

Bài 33 LUYỆN TẬP CHUNG (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

*** Kiến thức**

- Đặt tính và thực hiện được phép tính cộng, trừ (không nhớ) số có hai chữ số.
- Tính nhẩm được các phép cộng và trừ (không nhớ) số có hai chữ số.

*** Phát triển năng lực**

Đọc hiểu và tự nêu phép tính các bài toán yêu cầu đặt phép tính.

II CHUẨN BỊ

Thước kẻ cho tiết 1 để vẽ hình biểu diễn khoảng cách các quả cầu.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1. Luyện tập

Bài 1: GV cho HS luyện tập lại cách thực hiện phép cộng, trừ, bao gồm đặt tính rồi tính và tính nhẩm.

Bài 2:

- GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ, hiểu và nêu được số thích hợp.
- Tìm độ xa của quả cầu mà Việt đá bằng phép tính: $10 + 5 = 15$ (bước chân).
- Tìm độ xa của quả cầu mà Rô-bốt đá bằng phép tính: $15 + 4 = 19$ (bước chân).

Bài 3: Để các em làm quen với bài toán, GV có thể chỉ vào một chú ếch, hỏi HS: “Chú ếch này đang nói đến số nào?”. Sau khi HS thực hiện phép tính và trả lời xong thì GV chỉ vào một số ô và đặt câu hỏi, ví dụ: “Chú ếch màu xanh có đi theo số này không?”, sau đó GV cho các em làm bài.

Bài 4:

- GV hướng dẫn HS tìm hai đốt tre bị xếp nhảm.

HS sẽ tìm đáp án đúng bằng cách thử. Cụ thể HS có thể đổi chỗ hai đốt tre bất kì và thực hiện phép tính xem đã đúng chưa. Nếu chưa đúng thì đổi lại vị trí hai đốt tre vừa đặt làm lại. Thử cho đến khi tìm được kết quả đúng.

- Bài này có thể làm theo từng cặp hoặc nhóm nhỏ (3 đến 4 em) để các em bàn luận.

Đáp án: Bài 1: a) 25, 37, 17, 50; b) 50, 50, 50, 50.

Bài 2: Mai: 10 bước chân; Việt: 15 bước chân; Rô-bốt: 19 bước chân.

Bài 3: Chú ếch màu nâu ăn được hoa mướp.

Bài 4: $98 - 73 = 25$.

Tiết 2. Luyện tập

Bài 1: GV cho HS luyện tập lại cách đặt tính và thực hiện phép tính.

Bài 2: HS có thể tính nhầm hoặc nếu chưa tính được thì có thể tự viết lại phép tính vào vở để tính. GV có thể gợi mở HS về sự giống nhau ở kết quả của hai phép tính $37 + 12 - 23$ và $37 - 23 + 12$. Như vậy xuất phát từ số 37 dù ta cộng 12 trước hay trừ 23 trước thì kết quả cuối cùng vẫn không thay đổi.

Bài 3: Yêu cầu tìm các chữ số còn thiếu. GV có thể gợi ý, chẳng hạn với phép tính $12 + 2 \square = 36$ là: “Số nào cộng với 2 bằng 6?”

Bài 4: Luyện tập đọc hiểu bài toán, kĩ năng tự đặt phép tính, hoàn thành phép tính rồi nêu câu trả lời cho bài toán đó. GV gọi một số HS đọc to bài toán. Sau đó, GV đặt câu hỏi: “Bài toán này dùng phép cộng hay trừ?”. Sau đó, GV cho các em tự viết phép tính rồi tính vào vở, gọi 1 HS lên chữa bài và nhận xét.

Chú ý: Bài này có thêm yêu cầu HS nêu câu trả lời. GV nên thiết kế câu trả lời mẫu để HS làm quen với yêu cầu này. Có thể cho HS viết câu trả lời hoàn thiện vào vở.

Bài 5: Để trả lời từng câu hỏi, ban đầu GV có thể yêu cầu HS đánh dấu đường đi. Chẳng hạn đường đi từ nhà Đế Mèn đến nhà bác Xén Tóc.

Đáp án: Bài 1: 28, 69, 45, 54.

Bài 2: 49, 26; 14, 26.

Bài 3: $12 + 24 = 36$; $43 + 13 = 56$; $68 - 21 = 47$.

Bài 4: 53 quả thị.

Bài 5: a) $30 + 31 + 32 = 93$ (bước chân).

$30 + 15 + 21 = 66$ (bước chân).

b) Nhà Đế Trũi gần nhà Đế Mèn nhất.

Tiết 3. Luyện tập

Bài 1: GV cho HS luyện tập lại cách đặt tính và thực hiện phép tính.

Bài 2: Luyện tập đọc hiểu bài toán, kĩ năng tự đặt phép tính, hoàn thành phép tính và nêu câu trả lời.

Bài 3: GV giải thích về quy luật các con số thông qua hình vẽ trên bảng. Gọi từng HS lên hoàn thành các ô từ dưới lên trên. Bài toán cũng có thể tổ chức thành một trò chơi tiếp sức: Trong nhóm, các thành viên thay nhau lên hoàn thành từng ô, nếu viết sai thì cho bạn khác lên sửa lại cho đúng và nhóm nào nhanh hơn thì thắng.

Bài 4: HS tính rồi nêu kết quả của mỗi phép tính.

Có thể tổ chức bài tập này thành trò chơi theo cặp. Hai bạn HS bắt đầu từ hai đầu của đường đua và lần lượt thực hiện các phép tính, bạn nào nhanh hơn (tính được nhiều phép tính đúng hơn) thì thắng. GV có thể in sẵn hình vẽ ra giấy khổ lớn rồi cho các cặp HS chơi với nhau.

Đáp án: *Bài 1:* 38, 87, 71, 92.

Bài 2: $49 - 25 = 24$. Ngày thứ hai, tráng sĩ uống 24 bầu nước.

Bài 3: Các số được điền từ dưới lên trên: 22, 45, 89.

Bài 4: Từ trên xuống dưới: 38, 36, 70, 64, 45, 44, 19, 90.

Tiết 4. Luyện tập

Bài 1: GV yêu cầu HS tính nhẩm mà không cần đặt tính.

Bài 2: Hướng dẫn tương tự bài 3 tiết 2.

Bài 3: GV có thể hướng dẫn HS viết phép tính cho bài toán ($45 + 33 = 78$), sau đó nêu câu trả lời.

Bài 4: GV hướng dẫn HS thực hiện phép tính từ trái sang phải. Có thể thay bằng mô hình tính như bài 2 tiết 2 để HS dễ hình dung cách tính.

Bài 5: GV cho HS luyện tập lại bài toán đặt phép tính. GV cho HS đọc to đề bài. Sau đó cho các em làm lần lượt từng ý một. Với mỗi ý, GV đặt câu hỏi là đặt phép tính cộng hay trừ. Sau khi HS trả lời câu hỏi mới cho HS làm bài.

Đáp án: *Bài 1:* 65, 49, 90, 3.

Bài 2: $18 + 50 = 68$, $40 - 10 = 30$, $35 + 33 = 68$.

Bài 3: $45 + 33 = 78$. Túi màu đỏ có 78 quả thông.

Bài 4: a) 61; b) 12; c) 57.

Bài 5: a) $10 + 12 = 22$. Có tất cả 22 toa tàu.

b) $15 - 3 = 12$. Có 12 toa chờ khách.